TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **245**/2018/HNGĐ-ST Ngày 19 - 01 - 2018 (V/v tranh chấp HNGĐ xin ly hôn)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ninh Quang Thế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông (Bà) Nguyễn Văn Chiến

Ông (Bà) Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà) Trần Thúy Kiều là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 921/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp HNGĐ xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 959/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Ngô D M**; Địa chỉ cư trú: Số 579, p12, q BT, Thành Phố Hồ Chí Minh *(Có mặt)*.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm V K**; Địa chỉ cư trú: Số 516, k5, p1, Tp.M, tỉnh Cà Mau *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị M trình bày: Chị và anh K kết hôn ngày 10/6/2010 có ĐKKH tại UBND xã LA, h VT, tỉnh Cà Mau, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã, xô xát với nhau, chị đã làm đơn xin ly hôn một lần, toà án hoà giải chị rút đơn khởi kiện, sau khi về tiếp tục chung sống cũng không dung hoà được nên chị yêu cầu Toà án cho chị được ly hôn anh K; Về con chung có một đứa tên Phạm N M sinh ngày 30/12/2013 hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết, nợ chung không có.

Anh K đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của chị M cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về HNGĐ xin ly hôn nên theo quy định tại các điều 28,35 BLTTDS và hiện nay anh K đang sống tại k5, p1, Tp.M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố M.

[2] Anh K đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M, theo quy định tại điều 227,228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, Toà án căn cứ vào các chứng cứ mà chị M cung cấp để giải quyết vụ án.

[3] Hôn nhân của chị M anh K được xác lập trên tinh thần tự nguyện có ĐKKH theo quy định của pháp luật, hôn nhân này là hợp pháp là căn cứ giải quyết tranh chấp về HNGĐ khi hai người phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa chị M vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh K, hiện tại hai người đã ly thân sống ở hai tỉnh khác nhau, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thấy rằng mục đích hôn nhân của hai người là không đạt, mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng theo quy định tại điều 56 Luật HNGĐ cho anh chị ly hôn là thỏa đáng.

[4] Về con chung: Cháu N M sinh ngày 30/12/2013, đến nay cháu vừa tròn 4 tuổi, hiện chị M đang nuôi con kể từ khi hai người ly thân đến nay đã hơn một năm, cuộc sống của cháu với mẹ đã đi vào nề nếp ổn định, theo quy định tại điều 81 Luật HNGĐ giao con cho chị M nuôi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu nên Tòa không xem xét đến.

[5] Về tài sản chung chị M không yêu cầu Toà án giải quyết, nợ chung chị M xác định không có.

[6] Về án phí HNGĐ chị M phải nộp theo quy định tại điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56,58 Luật HNGĐ; điều 147 BLTTDS

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Ngô D M được ly hôn anh Phạm V K.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm N M sinh ngày 30/12/2013 cho chị M trực tiếp nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Anh K được phép tới lui thăm và dạy con chị M không được cản trở, ngược lại anh K không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị M nuôi con .

3. Về tài sản chung chị M không yêu cầu Toà án giải quyết, nợ chung chị xác định không nợ ai.

4. Về án phí HNGĐ 300.000đ chị M phải nộp, ngày 20/11/2017 chị đã dự nộp tại biên lại số 3997 được giữ y.

Chị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể tự ngày tuyên án, anh K kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Ninh Quang Thế